

QUY ĐỊNH

khung quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy

Căn cứ Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị ban hành Quy định về chế độ đảng phí;

Căn cứ Chỉ thị số 31-CT/TW, ngày 02/4/1998 của Bộ Chính trị về công tác sản xuất kinh doanh bổ sung ngân sách Đảng;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, ngày 21/6/2017 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng Sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định 3840-QĐ/VPTW, ngày 11/6/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về khung quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của các tỉnh ủy, thành ủy;

Căn cứ Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của Đảng;

Căn cứ Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 28/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV;

Căn cứ Quy định số 36-QĐi/TU ngày 16/01/2019 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Văn phòng tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng tỉnh ủy;

Ban Thường vụ tỉnh ủy Quy định về khung quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy (sau đây viết tắt là Quỹ dự trữ), cụ thể như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về nguyên tắc, khung nội dung trong việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách đảng tỉnh, các đảng ủy trực thuộc và các cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng Quỹ Dự trữ ngân sách đảng của Tỉnh ủy (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị trực thuộc*).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ

1. Quỹ dự trữ được hình thành từ các nguồn thu hợp pháp theo quy định của Trung ương Đảng và pháp Luật của Nhà nước.

2. Quỹ dự trữ được hạch toán, theo dõi đầy đủ trên sổ sách kế toán. Ban Thường vụ tỉnh ủy quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ đúng mục đích, đúng đối tượng, phù hợp với nội dung, tính chất của từng nguồn thu, bảo đảm nguyên tắc quản lý tài chính theo quy định hiện hành.

3. Số dư Quỹ dự trữ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao theo xếp hạng của ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đáp ứng kịp thời nhu cầu chi đột xuất của cấp ủy.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn hình thành Quỹ dự trữ

1. Thu đảng phí: là phần trích lại ở cấp ủy theo Quy định tại Quyết định 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí.

2. Thu hỗ trợ từ Quỹ dự trữ ngân sách đảng ở Trung ương;

3. Các nguồn viện trợ, ủng hộ, hiến, tặng,.... của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Đảng và Nhà nước (nếu có).

4. Thu từ các nghĩa vụ nộp ngân sách đảng của đơn vị sự nghiệp theo quy định; chênh lệch thu-chi hoạt động Nhà Công vụ.

5. Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng thương mại; các khoản lợi tức từ đầu tư tài chính (nếu có).

6. Các khoản thu về bán, thanh lý, chuyển nhượng tài sản và bất động sản thuộc sở hữu của Đảng.

7. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung chi từ Quỹ dự trữ

1. Các khoản chi từ nguồn thu đảng phí để lại theo Quyết định 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị khóa X về chế độ đảng phí:

a. Chi bổ sung kinh phí hoạt động của Tỉnh ủy và các cơ quan đảng ở địa phương trong trường hợp phát sinh các nhiệm vụ chi đột xuất mà kinh phí thường xuyên trong năm không cân đối được; thực hiện các nhiệm vụ đặc thù công tác đảng được cấp trên giao (bao gồm chi đối nội, đối ngoại) trong trường hợp không bố trí được từ ngân sách nhà nước.

b. Chi hỗ trợ các cấp ủy trực thuộc trong các trường hợp:

- Hỗ trợ khắc phục hậu quả, thăm hỏi đồng bào chịu ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh ...

- Thực hiện những nhiệm vụ chính trị đột xuất do Ban Thường vụ, Thường trực giao hoặc nhiệm vụ chính trị đột xuất của các cấp ủy trong trường hợp ngân sách nhà nước không bố trí được.

- Các cấp ủy thuộc địa bàn có nhiều khó khăn về kinh tế; các địa bàn có điểm nóng về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc; thực hiện chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công, các chức sắc, làng bản,...)

c. Các khoản chi khác do Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy quyết định.

2. Các khoản chi từ các nguồn thu: Trung ương hỗ trợ; viện trợ, tài trợ, ủng hộ, biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân (nếu có); các khoản thu hợp pháp khác.

a. Chi đặc biệt phục vụ hoạt động của đảng bộ tỉnh (bao gồm nhiệm vụ đối ngoại của Ban Thường vụ, Thường trực); thực hiện một số chính sách đặc thù đối

với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý; cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước công tác, sinh sống trên địa bàn tỉnh (kể cả đương chức và nguyên chức); cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, người có công, các chức sắc, làng bản địa bàn vùng sâu, vùng xa, người có công hoặc có đóng góp đặc biệt cho công tác xây dựng Đảng.

b. Đầu tư, xây dựng, mua sắm bổ sung, sửa chữa tài sản, trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh ủy.

c. Hỗ trợ kinh phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của các cấp ủy cấp dưới.

d. Tạm ứng giải quyết các nhiệm vụ chi phát sinh hoặc nhiệm vụ chi có yêu cầu riêng về tiến độ thời gian được bảo đảm từ ngân sách nhà nước nhưng chưa kịp bố trí và được hoàn trả khi được bố trí.

đ. Cân đối chi bổ sung cho khoản 1 Điều này, nếu nguồn thu đảng phí để lại không đủ chi.

e. Các khoản chi khác do Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy quyết định.

3. Các khoản chi từ các nguồn thu khác: thu lãi tiền gửi ngân hàng thương mại; chênh lệch thu-chi hoạt động Nhà Công vụ...

3.1. Cân đối chi bổ sung cho các nội dung chi tại Khoản 1,2 – Điều này;

3.2. Chi gửi tiết kiệm các ngân hàng thương mại; góp vốn liên doanh; đầu tư tài chính;

3.3. Một số chế độ chi hoạt động đối ngoại, đối nội; Trợ cấp, hỗ trợ có tính chất khuyến khích hoàn thành tốt nhiệm vụ và chi phúc lợi cho cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan đảng tỉnh;

(1) Tặng quà địa phương cho các đoàn khách đến thăm, làm việc với tỉnh, mức chi cụ thể như sau:

- Khách quốc tế: Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/đoàn.

- Khách Trung ương:

+ Trưởng đoàn: 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/người;

+ Thành viên còn lại: 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/người;

- Các tỉnh: 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/đoàn;

(2) Chi tặng quà lưu niệm:

- Tặng quà lưu niệm cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra ngoài tỉnh, mức chi 5.000.000 đồng/người;
- Tặng quà lưu niệm cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra ngoài tỉnh, mức chi 3.000.000 đồng/người;
- Cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan khối đảng tỉnh khi nghỉ hưu, mức chi 2.000.000 đồng/người. Đối tượng thuộc cơ quan nào thì cơ quan đó đề xuất.

(3) Chi hỗ trợ cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy để chủ động nắm bắt tình hình, nhiệm vụ được phân công phụ trách báo cáo Ban Thường vụ tỉnh ủy, mức chi 10.000.000 đồng/người/năm; (thời điểm chi vào 02 kỳ/năm: tháng 03 và tháng 09)

(4) Chi hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán cho các đồng chí Tỉnh ủy viên mức chi 3.000.000 đồng/người/năm; cán bộ công chức, người lao động thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, Đảng ủy khối Cơ quan – Doanh nghiệp; mức chi 2.000.000 đồng/người/năm;

Trường hợp cân đối được nguồn thu, Văn phòng tỉnh ủy báo cáo Thường trực tỉnh ủy xem xét quyết định mức chi có thể cao hơn.

(5) Chi hỗ trợ hoạt động, sinh hoạt tiền ăn trực đêm của Tiểu đội Công an bảo vệ mục tiêu tỉnh ủy, mức chi 1.000.000 đồng/quý và chi hỗ trợ Tết Nguyên đán 500.000 đồng/người.

(6) Chi hỗ trợ phục vụ giao ban buổi sáng cho Thường trực và các đồng chí Thường vụ tỉnh ủy để hội ý, trao đổi công việc hàng tuần;

(7) Chi hỗ trợ cho các đồng chí trực tiếp phục vụ Thường trực tỉnh ủy (02 lái xe, 01 tạp vụ) mức chi 1.500.000 đồng/người/quý.

(8) Các khoản chi khác do Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy quyết định;

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ

Ban Thường vụ tỉnh ủy ban hành Quy định cụ thể về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ; ủy quyền cho Thường trực tỉnh ủy quản lý, điều hành Quỹ dự trữ; Văn phòng tỉnh ủy là cơ quan tham mưu giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy trực tiếp là Thường trực tỉnh ủy trong công tác quản lý, điều hành, sử dụng Quỹ

dự trữ; thực hiện chức năng quản lý, sử dụng và thanh quyết toán Quỹ dự trữ theo đúng quy định.

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định các nội dung

1.1. Chủ trương và phê duyệt dự án sử dụng Quỹ Dự trữ để đầu tư, xây dựng; mua sắm ô tô; máy móc thiết bị công nghệ cao, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động cấp ủy;

1.2. Chủ trương và phê duyệt dự án sử dụng Quỹ Dự trữ để liên doanh, liên kết; đầu tư tài chính, mua cổ phần, cổ phiếu với mục đích sinh lời theo đúng quy định pháp luật;

1.3. Ban hành khung Quy định cụ thể về quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ và ủy quyền cho Thường trực tỉnh ủy quản lý, điều hành;

1.4. Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác có liên quan

2. Thường trực Tỉnh ủy

2.1. Quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ khi được phân công, ủy quyền;

2.2. Quyết định chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn tài chính để đầu tư, xây dựng; mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ cho hoạt động cấp ủy, với mức từ trên 200 triệu đến 01 tỷ đồng;

2.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan khi được Ban Thường vụ ủy quyền

3. Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

3.1. Quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy khi được phân công, ủy quyền.

3.2. Quyết định các nội dung: chi hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức đảng trực thuộc khi gặp khó khăn về kinh phí; bổ sung chi hoạt động của Tỉnh ủy; chi đón tiếp khách và các nhu cầu chi đột xuất khác theo yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh ủy, với mức chi từ 200 triệu đồng trở xuống/01 cơ quan, đơn vị; đề xuất phương án tăng nguồn thu cho Quỹ Dự trữ của Tỉnh ủy.

4. Văn phòng Tỉnh ủy

4.1. Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền cho Chánh Văn phòng tỉnh ủy là chủ tài khoản Quỹ dự trữ; trên cơ sở quyết định giao dự toán kinh phí hàng năm của

Ban Thường vụ, Văn phòng tỉnh ủy trực tiếp tham mưu, quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ theo đúng quy định.

4.2. Xác định các khoản thu, chi và trực tiếp tổ chức thực hiện các khoản thu, chi theo quyết định của cấp có thẩm quyền, bảo đảm đúng quy định hiện hành của Đảng và Nhà nước.

4.3. Cấp phát, quản lý việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Dự trữ cấp cho các cơ quan, đơn vị theo các quyết định của cấp có thẩm quyền.

4.4. Ký kết các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn với các ngân hàng thương mại sau khi có chủ trương Thường trực Tỉnh ủy.

4.5. Hàng năm tổng hợp tình hình thu, chi Quỹ Dự trữ trình Ban Thường vụ để báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4.6. Cung cấp số liệu về tình hình Quỹ Dự trữ theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền (khi có yêu cầu và được sự nhất trí của Thường trực Tỉnh ủy).

5. Các đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị được tiếp nhận kinh phí từ Quỹ Dự trữ có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và hạch toán, phản ánh đầy đủ, đúng nguyên tắc, chế độ trên hệ thống sổ kế toán và báo cáo quyết toán tài chính định kỳ.

Điều 6. Công tác kế toán đối với Quỹ Dự trữ

1. Việc mở sổ kế toán để theo dõi và hạch toán kế toán đối với Quỹ dự trữ được thực hiện trên cùng hệ thống kế toán đơn vị dự toán cấp I (*Văn phòng Tỉnh ủy*).

2. Một số nghiệp vụ hạch toán chủ yếu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng.

Điều 7. Báo cáo tình hình thu, chi Quỹ Dự trữ

1. Hàng năm, trên cơ sở báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tình hình thu, chi Quỹ Dự trữ cùng báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước tại hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Hàng năm, Văn phòng Tỉnh ủy gửi báo cáo tình hình thu, chi Quỹ Dự trữ cùng báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước về Văn phòng Trung ương Đảng để theo dõi và tổng hợp.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, sử dụng Quỹ Dự trữ

Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ Dự trữ ngân sách đảng của tỉnh ủy theo chương trình kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất và thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát hàng năm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quy định số 18-QĐi/TU, ngày 21/5/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chi trong Quy định này được cân đối trong nguồn thu hàng năm Quỹ dự trữ của Tỉnh ủy.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có trường hợp phát sinh vướng mắc Văn phòng tỉnh ủy có trách nhiệm tham mưu Ban Thường vụ tỉnh ủy điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Ban đảng tỉnh ủy,
- Sở Tài chính,
- Kho bạc Nhà nước tỉnh,
- Lãnh đạo Văn phòng tỉnh ủy,
- Các phòng trực thuộc – VPTU,
- Phòng Tài chính-Quản trị (thực hiện),
- Lưu Văn phòng tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Phạm Văn Hậu